
CHAPTER 01



**Câu chuyện
về Hangeul**

한글이야기

1. Sáng tạo Hangeul

Hangeul là bảng chữ cái đặc biệt mà chúng ta có thể biết người và thời gian phát minh ra nó. Hãy cùng lắng nghe câu chuyện phát minh ra Hangeul trước nhé?

Vua Sejong (1397-1450) là vị vua thứ 4 của triều đại Joseon. Ông là vị vua nổi tiếng anh minh, thông tuệ và hơn hết là yêu thương người dân hết mực.



Thời bấy giờ chỉ có nam giới thuộc tầng lớp quý tộc mới có thể học và sử dụng hệ thống chữ viết vốn được vay mượn từ Hán tự.

Vua Sejong thấy tiếc khi dân chúng không thể đọc và viết được hệ thống Hán tự vốn khó và phức tạp.



Và rồi ông đã sáng tạo ra bộ chữ Hangeul[★],
dựa trên những nguyên lý khoa học. Chữ Hangeul được phát
minh ra có thể dễ dàng
ghi lại lời nói và rất dễ học.



Vua Sejong đã tuyên bố sáng tạo ra Hangeul vào ngày 9 tháng 10 năm 1446.
Từ đó về sau, không những dân thường mà ngay cả phụ nữ vốn được xem
là tầng lớp bị cô lập lúc bấy giờ cũng đã
biết đọc và biết viết.

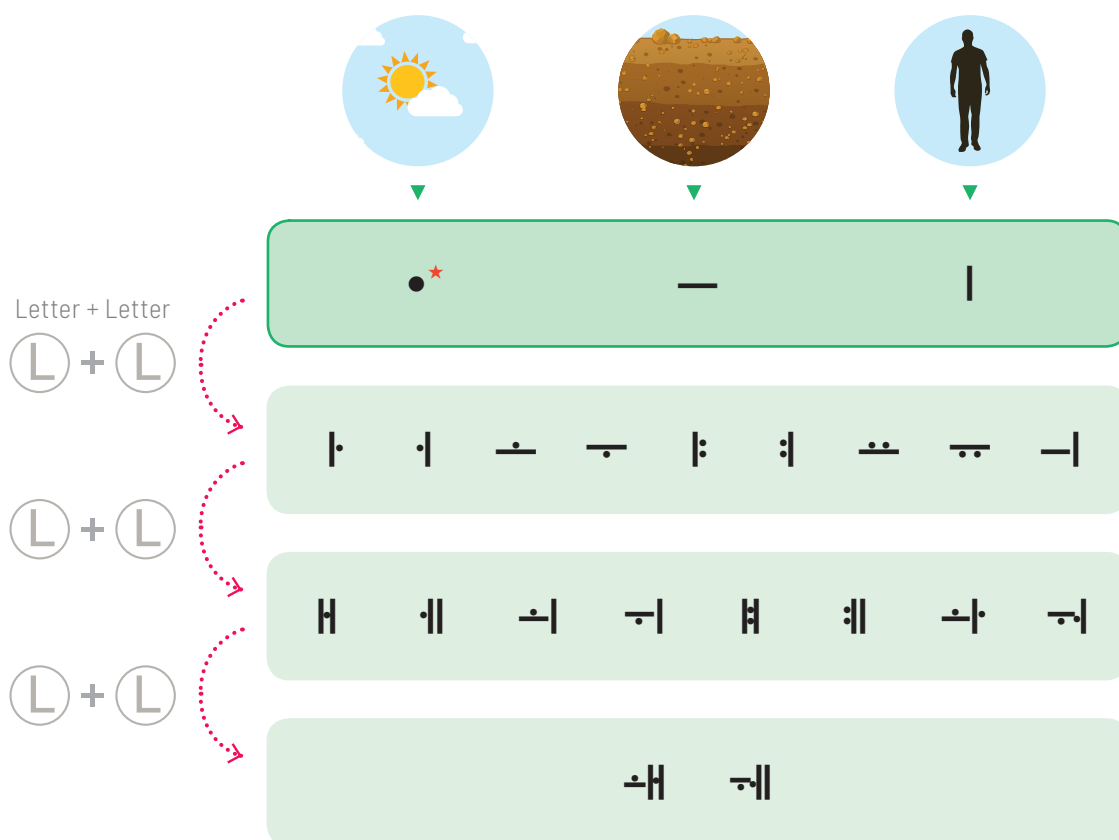


[★] 'Hangeul' là bảng chữ cái tiếng Hàn.

2. Bảng chữ cái tiếng Hàn

Nguyên âm

Nguyên âm trong bảng chữ cái tiếng Hàn có 3 chữ cái cơ bản tượng trưng cho trời, đất và con người. Các nguyên âm khác được tạo thành từ sự kết hợp của 3 nguyên âm cơ bản trên. Không những hình dạng chữ viết mà âm thanh cũng được kết hợp khi các nguyên âm kết hợp lại với nhau. Chúng ta sẽ cùng tham khảo trang 4, 5 của sách bài tập để biết phương pháp tạo ra các nguyên âm mới từ sự kết hợp nguyên âm cơ bản.



★ Vài nguyên âm được sáng tạo lúc ban đầu đã không còn được sử dụng.

Phụ âm

Có 5 phụ âm cơ bản. Các phụ âm này được tạo thành bởi hình dạng của cơ quan phát âm khi phát âm ra nó. Các phụ âm khác được tạo thành bằng cách thêm nét vào các phụ âm có sẵn hoặc đơn giản là viết hai phụ âm cạnh nhau.

Letter + Stroke

ㄱ + ㄹ = ㄲ

ㄱ + ㅁ = ㄴ

Letter + Letter

ㄱ + ㄱ = ㄲ

ㄱ + ㅋ = ㄲ

ㄱ + ㆁ = ㄴ

ㄱ + ㆁ = ㄴ

3. Cấu trúc âm tiết

Âm tiết của Hangeul từ được tạo thành từ sự kết hợp giữa nguyên âm và phụ âm viết bên trong một hình vuông giả định

Nguyên âm vẫn có thể phát âm được khi đứng một mình. Ngược lại, phụ âm phải kết hợp với nguyên âm mới có thể phát âm. Nguyên âm đứng một mình, sẽ được viết với phụ âm 'ㅇ' vốn không có âm thanh. Trong phần giới thiệu các phụ âm của sách này, phụ âm được kết hợp với nguyên âm 'ㅇ'. Lý do là vì kết hợp với nguyên âm 'ㅇ' sẽ giữ lại được phát âm vốn có của phụ âm nhất.

Do đó, một âm tiết của Hangeul sẽ được tạo thành bằng cách kết hợp nguyên âm và phụ âm.

★ (V = Nguyên âm, C = Phụ âm)

• V

Ex. (ㅇ) + ㅏ

• C + V

Ex. ㄱ + ㅏ, ㅅ + ㅓ

• V + C

Ex. (ㅇ) + ㅈ + ㄴ

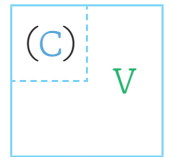
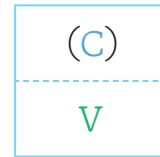
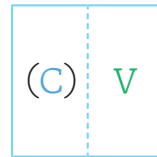
• C + V + C

Ex. ㄴ + ㅓ + ㅇ, ㅈ + ㅓ + ㄱ

Phụ âm cuối trong âm tiết được gọi là 받침(Batchim). Nếu chúng ta đặt cấu trúc của âm tiết này vào trong một ô vuông, trông chúng sẽ như dưới đây.

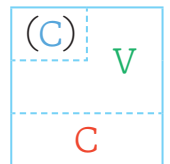
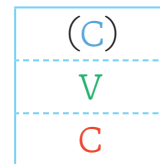
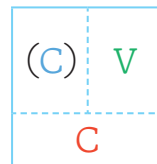
• (C) + V

Ex. 아, 구, 뷔



• (C) + V + C

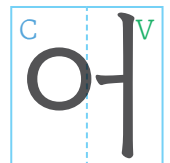
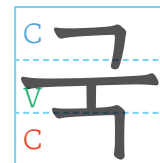
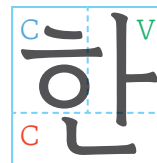
Ex. 성, 독, 완



Hãy thử phân tích một từ mà bạn biết. Đó chính là **한국어**(tiếng Hàn) - ngôn ngữ mà chúng ta đang tìm hiểu. Từ **한국어**[han-gu-geo] là từ vựng có 3 âm tiết, và có thể xem có cấu trúc của từ này như sau.

Ex. 한국어

- ㅎ + ㅏ + ㄹ → 한
- ㄱ + ㅓ + ㄱ → 국
- ㅑ → 어



CHAPTER 02

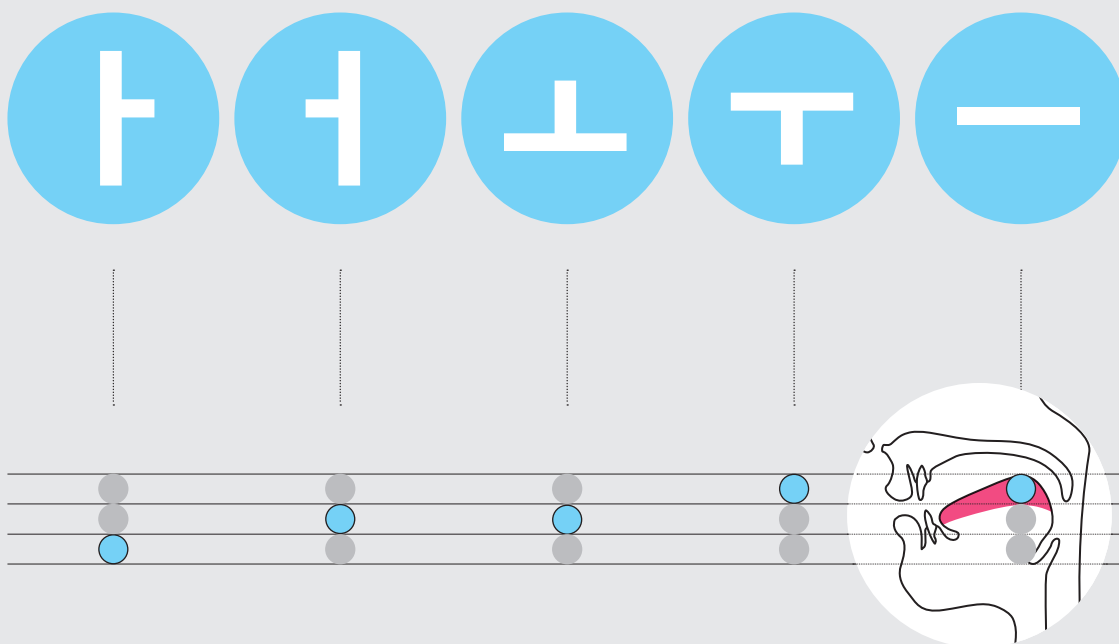
Làm quen với Hangeul

한글 익히기



for MP3
of Chapter 2. Learning Hangeul

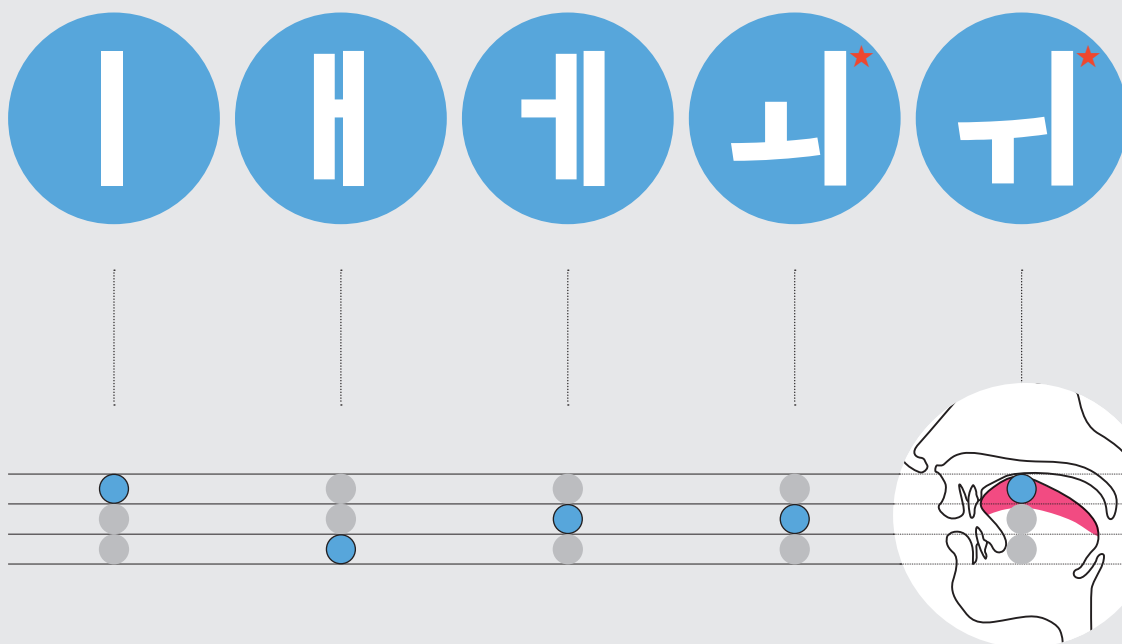
• Nguyên âm đơn



🔊 Listen and repeat them back to back.

아 어 오 우 으 이 애 에 외 위

Âm thanh đầu và âm thanh cuối
không thay đổi.



★ Nguyên âm ㄱ and ㆁ được phát âm như nguyên âm kép.

🔑 Pronunciation Tip

Hãy cảm nhận lưỡi chuyển động lên xuống bên trong miệng của bạn.
Cùng lúc đó hãy suy nghĩ xem điểm cao nhất của lưỡi nằm ở trước vòm miệng hay sau
vòm miệng.

🔑 Pronunciation Key

Như chúng ta đã tìm hiểu ở Chapter 1, các nguyên âm cơ bản kết hợp với nhau tạo thành nguyên âm mới. Đây không phải là sự kết hợp đơn thuần về hình dạng. Ví dụ, khi nói nguyên âm 'ㅏ' là sự kết hợp của nguyên âm 'ㅏ' và 'ㅣ', thì 'ㅏ' không chỉ là sự kết hợp về mặt hình dạng của 'ㅏ' và 'ㅣ' mà còn là sự kết hợp về mặt âm thanh.

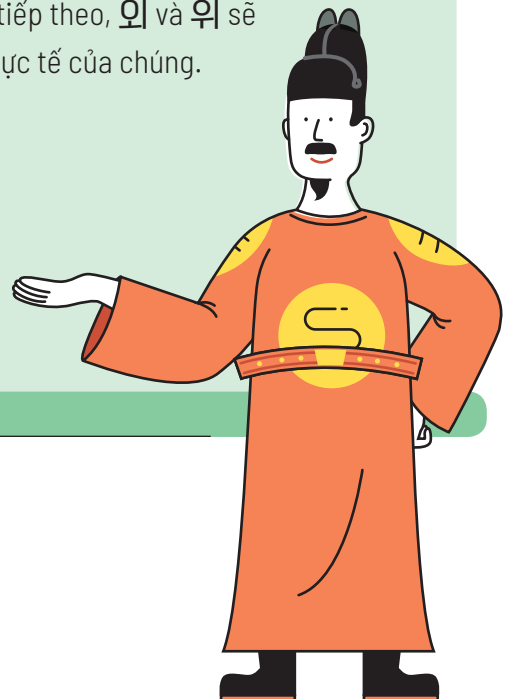
Do đó, nếu bạn mở miệng giống như bạn đang phát âm nguyên âm **ㅏ** [ㅏ] và sau đó khi miệng vẫn đang mở, bạn phát âm tiếp nguyên âm **ㅣ** [ㅣ], thì âm thanh phát ra sẽ giống nguyên âm **ㅓ** [ㅓ].

Giờ đây khi nắm rõ cách thức các nguyên âm được tạo thành về mặt hình thức và ngữ âm, bạn sẽ nhận ra được sự khác nhau giữa **ㅏ** và **ㅓ**. Vì **ㅏ** bắt đầu bằng **ㅏ** và **ㅓ** bắt đầu bằng **ㅓ**, nên độ rộng khi mở miệng và vị trí của lưỡi khi phát âm hai nguyên âm này sẽ khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay hai nguyên âm này được phát âm gần như giống nhau. Nhiều người Hàn Quốc hiện đại không phân biệt được sự khác nhau giữa chúng.

Ngoài ra còn 2 nguyên âm có cách phát âm khác nhau. Nguyên âm đơn **ㅗ** và **ㅜ** thường được cho rằng được phát âm bởi 1 âm, nhưng chúng được phát âm bởi 2 nguyên âm kết hợp lại. Trên thực tế, **ㅗ** được phát âm như **ㅓ-ㅗ** hoặc **ㅓ-ㅗ**, và **ㅜ** được phát âm như **ㅜ-ㅜ**. Do đó, từ trang tiếp theo, **ㅗ** và **ㅜ** sẽ được phát âm như nguyên âm kép vốn là phát âm thực tế của chúng.

🔊 Listen and compare the sounds. _TRACK 11

1. Nguyên âm đơn **ㅗ** : nguyên âm kép **ㅓ**
2. Nguyên âm đơn **ㅜ** : nguyên âm kép **ㅜ**

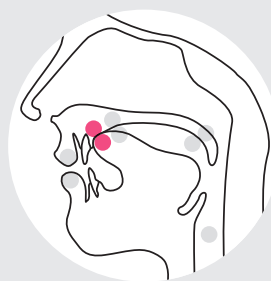


Phụ âm thường/Phụ âm rung/Phụ âm mũi

ㅁ ㅂ ㅅ ㅈ ㅊ ㅎ

ㅁ ㄴ ㅇ

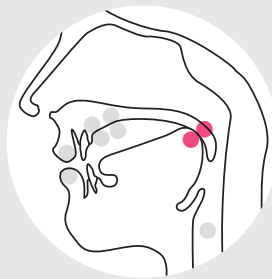
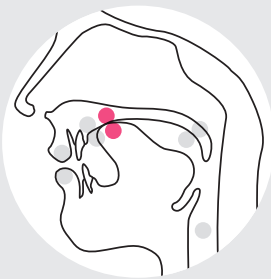
ㄹ



Listen and repeat them back to back.

ㅁ ㅂ ㄴ ㄷ ㄹ ㅅ ㅈ ㅊ ㅎ

Phụ âm không thể phát âm khi đứng một mình, nên khi phát âm sẽ được kết hợp cùng nguyên âm 으



★ 'ㅇ' đứng một mình sẽ không được phát âm, vị trí phát âm được đề cập ở đây là khi
 ㅇ đóng vai trò phụ âm cuối (tham khảo p. 92).

🔑 Pronunciation Tip

Hãy thử cảm nhận vị trí phát âm càng ngày càng sâu hơn!



p. 42



Chỉ để luồng hơi thoát ra bằng mũi.



Ngăn không cho luồng hơi thoát ra và sau đó bất ngờ giải phóng nó.

pp. 44~45



Lưỡi tạo ra một khoảng đóng cục bộ, do đó luồng hơi tương đối tự do.



Đẩy luồng hơi ra ngoài qua khoảng không gian hẹp.



⇒ ban đầu và sau đó được tạo ra trong cùng một khoảng không gian.

🔑 Pronunciation Key

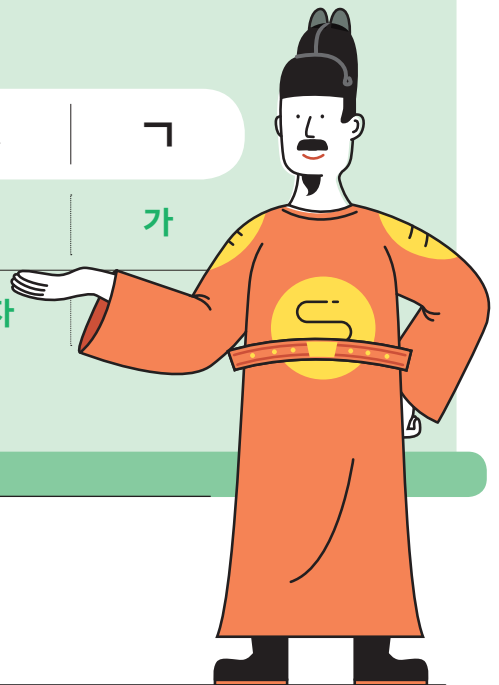
Nhiều ngôn ngữ phân biệt phụ âm bằng sự khác nhau giữa âm hữu thanh hay âm vô thanh căn cứ trên việc phát âm của phụ âm đó có làm rung dây thanh âm hay không. Ví dụ, các nguyên âm và các phụ âm như [b], [v], [d], [z], [g], [m], [n], [l], và [r] khi phát âm làm rung dây thanh âm nên được xem là âm hữu thanh. Còn các âm [p], [f], [t], [s], và [k] khi phát âm không làm rung dây thanh âm nên được gọi là âm vô thanh.

Tuy nhiên, tiếng Hàn không phải là ngôn ngữ phân biệt phụ âm dựa trên sự khác nhau giữa âm hữu thanh và âm vô thanh. Do đó, người học đến từ vùng ngôn ngữ phân biệt phụ âm dựa trên sự khác nhau giữa âm hữu thanh và âm vô thanh sẽ nghe ㄱ[ga] thành hai trường hợp. Trường hợp ㄱ[ga] là âm tiết đầu không làm rung dây thanh âm sẽ được nghe thành ㅋ[ka]. Trường hợp phát âm làm rung dây thanh âm sẽ được nghe thành ㄱ. Tuy nhiên, có thể nhấn mạnh lại rằng, vì tiếng Hàn không phải là ngôn ngữ phân biệt phụ âm theo âm hữu thanh và âm vô thanh nên hai phát âm này được xem là giống nhau.

Để phân biệt các âm, các chữ cái đã được liệt kê theo tình huống có thể phân biệt thành âm hữu thanh và âm vô thanh, các bạn hãy chú ý lắng nghe và nhớ rằng cả 2 từ được xem là 1.

🔊 Listen and compare the sounds. _TRACK 11

	ㅂ	ㄷ	ㅈ	ㄱ
Unvoiced	ㅂ	ㄷ	ㅈ	ㄱ
Voiced	ㅂ	ㄷ	ㅈ	ㄱ



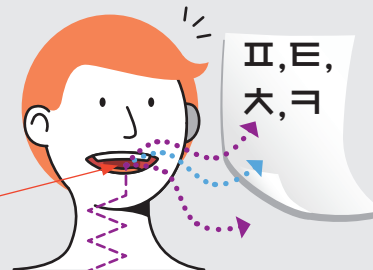
STEP 0 | Preview

★ Các từ vựng minh họa của ㅁㅁ, ㄷㄷ, ㅅㅅ, ㅈㅈ, ㅊㅊ là những từ vựng giống với từ vựng minh họa của ㅁ, ㄷ, ㅅ, ㅈ, ㅊ (p. 39). Khi viết những từ ngoại lai bằng tiếng Hàn, nguyên tắc là không sử dụng âm căng. Tuy nhiên, âm thực tế của những từ ngoại lai này lại gần với âm căng hơn. Nói cách khác, những từ ngoại lai thường được viết bằng ㅁ, ㄷ, ㅅ, ㅈ, ㅊ, nhưng phát âm lại gần với ㅁㅁ, ㄷㄷ, ㅅㅅ, ㅈㅈ, ㅊㅊ hơn.

• Phụ âm bật hơi/Phụ âm căng

ㅍ ㅌ ㅍ ㅌ

ㅍ ㅌ ㅍ ㅌ



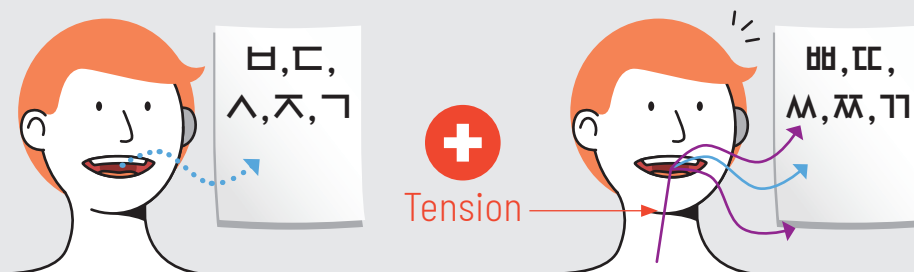
🔊 Listen and repeat them back to back.

ㄱ ㅍ ㅌ ㅍ ㅌ ㅍ ㅌ ㅍ ㅌ ㅍ

🔑 Pronunciation Tip

Thêm lực từ phổi đến nơi luồng hơi thoát ra ngoài và phát ra âm như bị mắc ở cổ. Hãy đặt lòng bàn tay trước miệng và cảm nhận luồng hơi mạnh thoát ra.

Những chữ này có cách viết và âm thanh hơi khác một chút so với các phụ âm chúng ta đã học.



Hóp bụng, dồn lực vào dây thanh âm và thu hẹp thanh hầu. Sau đó hãy giải phóng luồng hơi ra nhanh hơn so với khi phát âm những âm thường.

Key | Pronunciation Key

Âm thường khi phát âm không đi kèm với sự căng cơ miệng. Hãy thư giãn toàn thân, thoải mái và phát âm nhẹ nhàng.

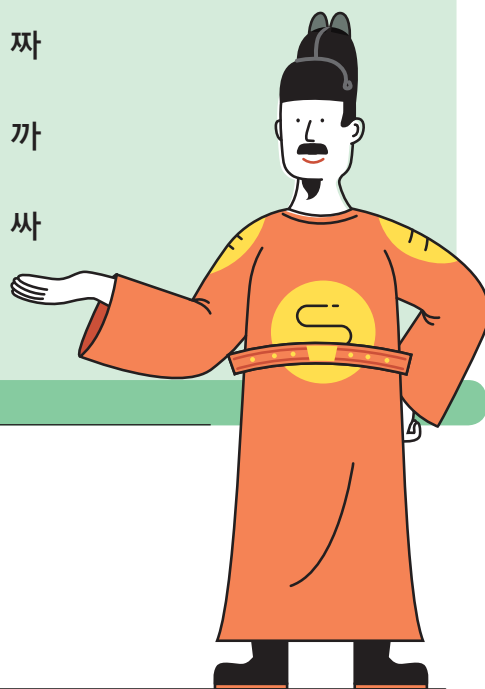
Đối với âm căng, hãy thử phát âm mạnh hơn bằng cách bật mạnh luồng hơi từ thanh quản ra ngoài. Nếu vẫn chưa được, các bạn hãy tưởng tượng như mình đang nhổ nước bọt và thử lại.

Đối với âm bật hơi, hãy thử dùng sức thu hẹp lỗ thoát hơi và phát âm thật mạnh.

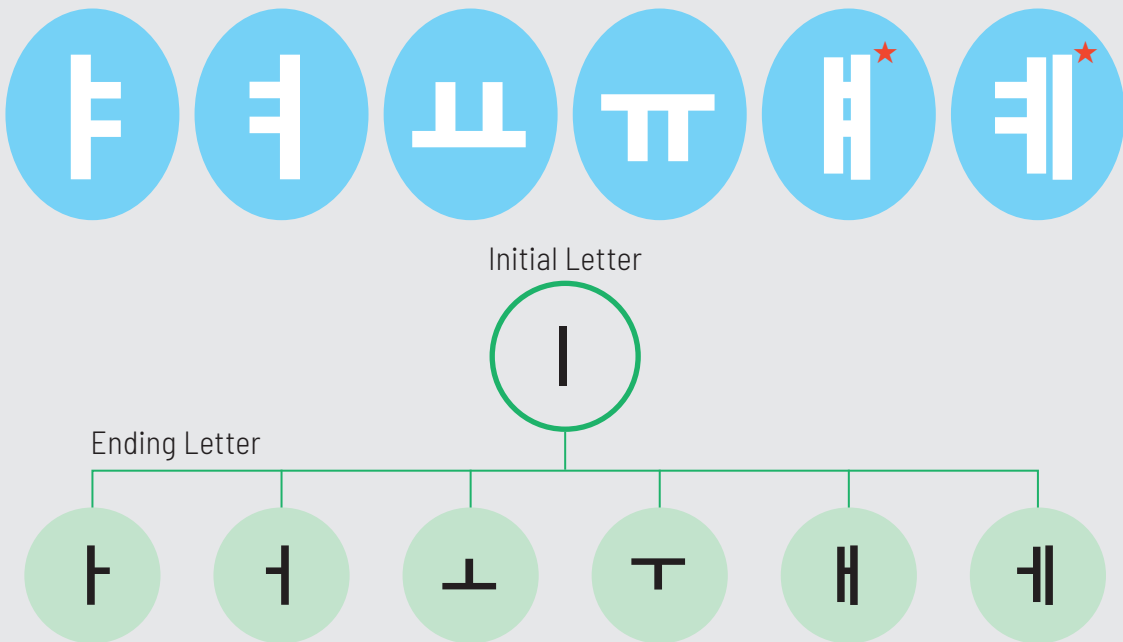
Hãy lắng nghe và phân biệt âm thường, âm căng và âm bật hơi.

🔊 Listen and compare the sounds. TRACK 10

	Plain	Aspirated	Glottalized
ㅂ	바	파	빠
ㄷ	다	타	따
ㅈ	자	차	짜
ㄱ	가	카	까
ㅅ	사		싸



• Nguyên âm kép

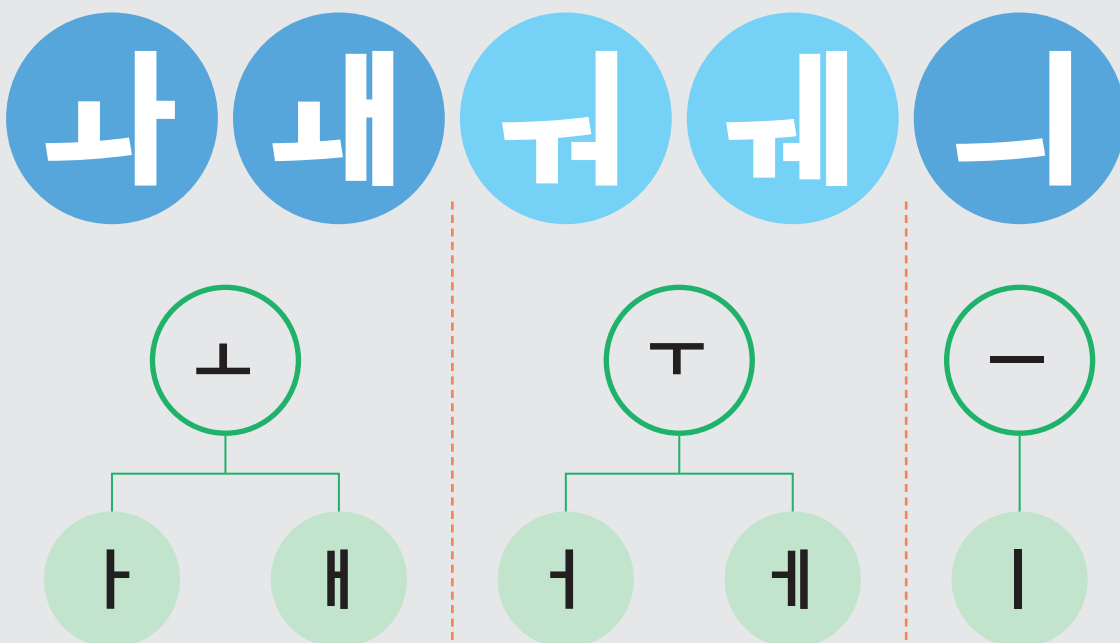


★ Vì ngày nay ㅜ and ㅠ được phát âm hầu như không phân biệt, do đó hai nguyên âm ㅜ and ㅠ cũng phát âm gần như nhau.

🔊 Listen and repeat them back to back.

ㅑ 야 여 요 유 애 예 와 왜 워 웨 의

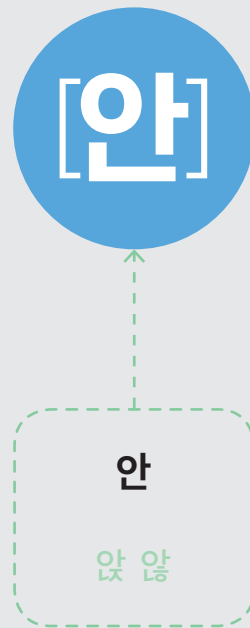
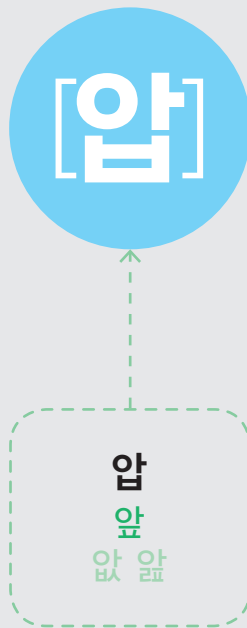
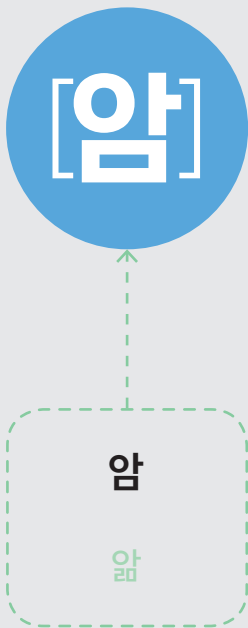
Nguyên âm kép là những nguyên âm có hình dạng và âm thanh được tạo thành từ sự kết hợp của 2 nguyên âm đơn.



🔑 Pronunciation Tip

Hãy nghĩ rằng đây là cách phát âm được tạo thành từ việc phát âm nhanh và liên tục hai nguyên âm. Do đó, khác với nguyên âm đơn, khẩu hình miệng khi bắt đầu và khi kết thúc của nguyên âm đôi là khác nhau.

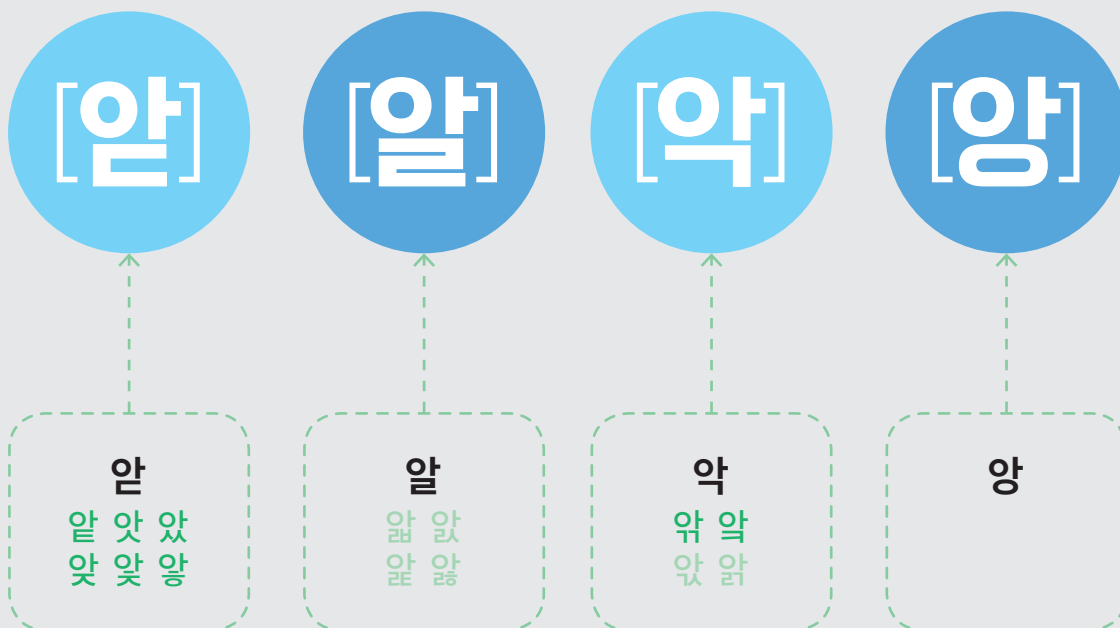
• Phụ âm cuối



🔊 Listen and repeat them back to back.

ㄴ 암 압 안 앞 알 악 앙

Có rất nhiều phụ âm cuối nhưng
tất cả được chia thành 7 nhóm
chính.



🔑 Pronunciation Tip

Vị trí phát âm của phụ âm cuối là vị trí phát âm sau cùng của một từ. Nói cách khác, đó là lúc điểm gặp nhau của hai cơ quan phát âm ngày càng gần hơn.

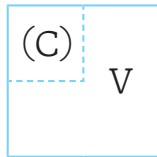
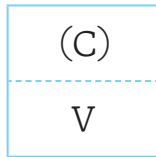
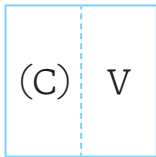
‘받침(Batchim)’ là phụ âm cuối và thường được viết ở cuối của một âm tiết.

받침 là danh từ của động từ 받치다, có nghĩa là ‘nâng, đỡ’.

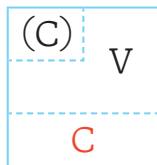
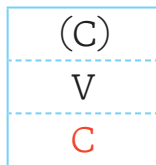
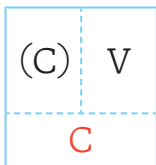
Không có quy tắc nhất định về việc phải có phụ âm cuối hay không. Nhưng có sự khác nhau nhất định về mặt phát âm giữa từ vựng có phụ âm cuối và từ vựng không có phụ âm cuối.

Những từ 아, 규, và 뷔 trong ví dụ dưới đây là những từ không có phụ âm cuối. Ngược lại những từ như 성, 독, 완 lần lượt có phụ âm cuối là ㅇ, ㄱ, và ㄴ.

‘ㅇ’ không được phát âm khi là phụ âm đầu, tuy nhiên nếu là phụ âm cuối nó sẽ được phát âm.



Ex. 아, 규, 뷔
▶ 받침 X



Ex. 성, 독, 완
▶ 받침 O

Trong bài này chúng ta sẽ được gặp những phụ âm lạ. Những phụ âm cuối trong từ vựng tiếng Hàn không chỉ được tạo thành từ những phụ âm chúng ta được học mà nó còn được tạo thành từ những phụ âm kép(겹받침), vốn là sự kết hợp của hai phụ âm đơn. Có thể lấy các ví dụ như **조, 바, 재, 자, 재, 조, 라, 러, 가, và 다**.

Ex.

○	ㅏ
로	

○	ㅑ
부	

ㄱ
ㅓ
고

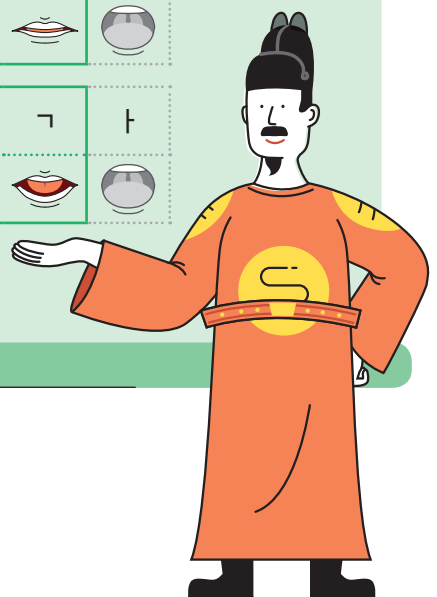
ㅎ
ㅓ
해

Chúng ta có thể sẽ không gặp một vài từ có phụ âm cuối là phụ âm kép trong số những từ dưới đây vì hầu như nó không được sử dụng trong thực tế. Do đó, không nhất thiết phải học thuộc lòng tất cả những phụ âm kép trong bài này. Vì suy cho cùng, chúng cũng sẽ được xếp vào 1 trong số 7 nhóm phát âm của phụ âm cuối. Chúng ta hãy nhớ rằng chỉ có 7 cách phát âm cho phụ âm cuối, và quan trọng là bạn phải nhớ được cách phát âm chính xác nhất của mỗi nhóm.

Key | Pronunciation Key

Nếu bạn muốn phát âm chính xác chữ **암** (ㅏ+ㅁ) hãy nghĩ đến phát âm **아+ㅁㅏ** (ㅏ+ㅁ+ㅏ), nhưng sau đó hãy dừng ngay khi vừa kết thúc phát âm **아ㅁ** (ㅏ+ㅁ). Một lần nữa, khi phát âm **암** hãy tưởng tượng bạn đang phát âm **아ㅁㅏ**, nhưng sau đó hãy ngừng ngay tại thời điểm hai cơ quan phát âm (ví dụ như hai môi, lưỡi và răng trên, lưỡi và vòm họng...) chạm vào nhau. Sau đó, không được để luồng hơi thoát ra ngoài. Cách phát âm này cũng được áp dụng khi phát âm các phụ âm cuối khác, ngoại trừ phụ âm cuối **ㅇ**.

암	ㅇ	ㅏ	ㅁ	ㅏ
				
앞	ㅇ	ㅏ	ㅍ	ㅏ
				
안	ㅇ	ㅏ	ㄴ	ㅏ
				
앗	ㅇ	ㅏ	ㅈ	ㅏ
				
앗	ㅇ	ㅏ	ㅊ	ㅏ
				
알	ㅇ	ㅏ	ㄹ	ㅏ
				
악	ㅇ	ㅏ	ㄱ	ㅏ
				



CHAPTER 03

Liên kết âm

연결 받음



for MP3
of Chapter 3. Linking Sounds



Phụ âm cuối sẽ được phát âm thế nào khi nó liên kết với ký tự tiếp theo?
Có một vài quy tắc giúp chúng ta phát âm tự nhiên và dễ dàng hơn trong trường
hợp vị trí phát âm của phụ âm cuối và vị trí phát âm của âm đầu của từ theo sau
cách xa nhau.

1. Pronounce Connectedly

Phát âm liên kết _Nối âm

2. Pronounce Similarly

Phát âm đồng hoá _Đồng âm

3. Pronounce Strongly

Phát âm mạnh _Căng âm

4. Pronounce Harshly

Phát âm bật _Bật âm

Nói bằng nguyên, phụ âm

Có trường hợp sử dụng phụ âm đầu của những từ vựng thường sử dụng hoặc nguyên âm giống với hình dạng nhất định nào đó để giao tiếp. Tuy nhiên cách dùng này chỉ được dùng khi nói chuyện với người thân thiết hoặc trong những những tình huống giao tiếp cá nhân.

Luyện viết Hangeul

Chữ cái tiếng Hàn sẽ có độ lớn và vị trí khác nhau tùy vào cấu tạo âm tiết của từ vựng mà nó cấu thành. Do đó, ngay cả người Hàn Quốc cũng khó viết chữ đẹp. Phần này sẽ chia sẻ cho chúng ta một vài bí quyết để có thể viết chữ đẹp. Sau khi luyện tập xong phần này, bạn sẽ trở thành chuyên gia Hangeul. Xin chúc mừng!

TIP 01. Kích thước và vị trí

Kích thước và vị trí của mỗi chữ cái tùy thuộc vào cấu tạo của từ vựng. Do đó, tuy cùng một chữ cái đi chăng nữa nhưng tùy vào cấu tạo từ mà bạn phải viết khác nhau.

TIP 02. Ô vuông

Hãy tưởng tượng chúng ta luôn có 1 ô vuông. Và bạn phải viết từ vựng trong phạm vi ô vuông đó.

TIP 03. Hai dòng kẻ

Lần này các bạn hãy tưởng tượng có hai dòng kẻ. Và chúng ta sẽ viết giữa hai dòng kẻ này.

Hình dạng chữ viết đa dạng

Giống như nhiều ngôn ngữ khác, Hangeul được viết dưới nhiều hình dạng đa dạng khác nhau.

Dưới đây là những phụ âm mà chúng ta dễ nhầm lẫn.

